

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/HS-ST

Ngày: 20 - 4 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi.

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm, hình thức kín, vụ án hình sự thụ lý số: 125/2023/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 2002, tại Đắc Lắc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: X, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ký túc xá, trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978 và bà Ngô Thị Mỹ D, sinh năm 1979; bị cáo là con đầu trong gia đình có 02 anh em; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/10/2022, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2021, Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị Như N đều là sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ: Số 37 Đường số 17, Linh Chiểu, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), quen biết và yêu nhau. Trong thời gian yêu nhau, T và N có sử dụng chung 03 tài khoản mạng xã hội của N, gồm: Facebook của N tên là “Như N” (có hình đại diện N chống cằm); Facebook của N tên là “Như N” (có hình đại diện N không chống cằm) và tài khoản Instagram của N có tên “ntnhuX.133”.

Từ tháng 6 năm 2021 đến cuối tháng 12 năm 2021, do dịch bệnh Covid-19 bùng phát nên T và N học online tại nhà. T ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương còn N ở huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Cả 2 không gặp mặt nhau.

Khoảng thời gian này, theo yêu cầu của T, N tự chụp nhiều hình ảnh nhảy cảm và quay video nhảy cảm (hở ngực, không mặc áo, mặc quần lót...) của N rồi gửi cho T xem thông qua mạng xã hội: Messenger Facebook, Telegram, Zalo. Khi nhận được những hình ảnh và video nhảy cảm của N, T lưu lại vào điện thoại di động của T hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: G0NDFL70N735.

Tháng 12 năm 2021, T tự ý sử dụng gmail “worknventoan@gmail.com” của T để thay đổi mật khẩu Facebook của N là “Như N” (có hình đại diện N không chống cằm), để mình T sử dụng. Bản thân N không biết mật khẩu và tài khoản mạng xã hội Instagram của N có tên “ntnhungoc.133” và tài khoản này cũng tự động liên kết với tài khoản Facebook “Như N” (có hình đại diện N không chống cằm) và cũng chỉ một mình T sử dụng. Đến cuối tháng 01 năm 2022, T tiếp tục tự ý sử dụng gmail “worknventoan@gmail.com” để thay đổi mật khẩu Facebook của N là “Như N” (có hình đại diện N chống cằm) để mình T sử dụng, N không biết mật khẩu.

Tháng 3/2022, T và N chính thức chia tay, khi T đến trường học, T cảm thấy bạn cùng lớp chơi chung với N nhìn T xì xầm. T nghĩ N và các bạn của N đang nói xấu T nên bức tức, căm ghét N rồi nảy sinh ý định đăng hình nhảy cảm của N lên mạng xã hội với mục đích làm nhục Nguyễn Thị Như N để thỏa cơn giận của T.

Ngày 30/4/2022, T sử dụng tài khoản Facebook “Như N” (có hình đại diện N không chống cằm) đăng Story (khoảnh khắc) 03 hình ảnh nhảy cảm, khỏa thân của N. Đến khoảng 22 giờ ngày 02/5/2022, T tiếp tục sử dụng mạng

xã hội Instagram của N có tên “ntnhungoc.133” để đăng Story (khoảnh khắc) 06 hình ảnh nhảy cảm, khóa thân của N. Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 02/5/2022, T sử dụng tài khoản Facebook của N là “Như N” (có hình đại diện N chống cằm) dùng điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri GONDFL70N735 của T, đăng lên nhóm messenger Facebook “DH36KT03” 33 hình và 30 video nhảy cảm (không mặc áo, chỉ mặc quần lót...) của N, T đăng lên nhóm messenger Facebook có tên “Đoàn khoa KTKT” 12 hình ảnh nhảy cảm và 02 video nhảy cảm (không mặc áo) của N và đăng lên nhóm messenger Facebook “Team Kỹ Thuật” 12 hình ảnh nhảy cảm và 02 video nhảy cảm (không mặc áo) của N nhưng đối với nhóm “Team Kỹ Thuật” thì T thu hồi ngay.

Trước thời điểm T đăng T bộ hình ảnh nhảy cảm của N lên mạng xã hội ngày 02/5/2022, khi N đang ở thành phố Cần Thơ đã chủ động nhắn tin vào tài khoản của N do T đang sử dụng để hỏi T tại sao lại đăng hình ảnh nhảy cảm của N thì lúc này T giả làm một người khác đã lấy (hack) được Facebook của N để nhắn tin với N. Qua rất nhiều lần nhắn tin qua lại với nội dung xoay quanh việc tại sao lại đăng hình ảnh nhảy cảm của N thì cả hai thống nhất T cho N chuộc lại tài khoản của N với giá là 1.200.000 đồng theo giá của N tự đưa ra cùng với yêu cầu N phải cung cấp họ tên cùng số thẻ Ngân hàng cho T trong vòng 01 ngày. Khi N cung cấp số tài khoản Ngân hàng của N thì T lại yêu cầu N cung cấp số thẻ Ngân hàng. Khi N gửi thẻ visa mang tên Đặng Thị N Hân tại Ngân hàng MB Bank cho T, T lại yêu cầu N cung cấp số thẻ thường của Ngân hàng. N không cung cấp và muốn kéo dài thời gian hết dịp lễ để đến Công an trình báo nên T đã đăng T bộ hình ảnh và video nhảy cảm của N lên các nhóm công khai trên mạng xã hội.

Do bị xâm phạm đến danh dự nhân phẩm nên ngày 03/5/2022, N đã đến Công an phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức trình báo sự việc và cung cấp T bộ tài liệu liên quan đến việc T có hành vi làm nhục N.

Tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức đã triệu tập Nguyễn Văn T và mời người làm chứng gồm: Chị Phan Thị Kiều Anh, sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh là quản trị viên của nhóm messenger Facebook “DH36KT03”; chị Lê Thị Thanh Th, sinh viên trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, quản trị viên của nhóm messenger Facebook có tên “Đoàn khoa KTKT” cùng chị Trần Thị Mỹ M, Huỳnh Thị L, Phạm Thị L cũng là sinh viên Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh là thành viên trong các nhóm trên về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Nguyễn Văn T đã khai nhận T bộ hành vi như đã nêu trên. Ngoài ra, T còn khai nhận sau khi

T đăng hình nhạy cảm, video nhạy cảm của N lên mạng xã hội thì 02 tài khoản Facebook “Nhu N” (có hình đại diện N chống cảm) và “Nhu N” (có hình đại diện N không chống cảm) đều bị khóa tài khoản với thông báo do không tuân thủ tiêu chuẩn cộng đồng của Facebook (T không biết lý do vì sao bị khóa). Sau đó, T đã xóa T bộ hình ảnh và video nhạy cảm liên quan đến N trong máy điện thoại Iphone 11 của T.

Người làm chứng khai nhận về thời gian đăng, số lượng hình ảnh, video nhạy cảm của N được gửi vào các nhóm công khai giống như nội dung nêu trên. Sau khi phát hiện sự việc người làm chứng đã chủ động xóa hết các thành viên trong nhóm ra khỏi nhóm, còn một số thành viên khác thì tự động rời khỏi nhóm.

Vật chứng và đồ vật, tài liệu thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735 (thu giữ của Nguyễn Văn T);

- 01 (một) đoạn video ký hiệu “KZUX7332” được trích xuất từ điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735 của T, nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy MHDA3VN/A, số sê-ri GONDFL70N735 về việc T đã sử dụng Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Nhu N” có hình đại diện của N đang chống cảm đăng hình ảnh nhạy cảm, video nhạy cảm (không mặc áo, chỉ mặc quần lót....) của N lên nhóm “DH36KT03” (thu giữ của Nguyễn Văn T).

- 01 (một) đoạn video ký hiệu “ISVY2040” nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số Sê-ri: GONDFL70N735 về việc T thực hiện thao tác khôi phục lại Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Nhu N” có hình đại diện của N đang chống cảm (thu giữ của Nguyễn Văn T).

- 01 (một) thiết bị phát Wifi của VNPT ký hiệu: Igate GW040-H Gpon ONT và 01 cục sạc kèm theo.

- 07 (bảy) đoạn video do chị Nguyễn Thị Như N cung cấp gồm: 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115035; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115331; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115413; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115458; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115543; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115625; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_121829 (Chứa nội dung tin nhắn giữa N và T và nội dung N vào các nhóm công khai trên mạng xã hội có chứa nội dung hình ảnh và video nhạy cảm của N được N quay màn hình lại).

- 123 (một trăm hai mươi ba) tờ giấy A4 do Nguyễn Thị Như N cung cấp hình ảnh liên quan của chị N.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T đã bồi thường cho Nguyễn Thị Như N 30.000.000 đồng. N không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn rút yêu cầu xử lý hình sự đối với T.

Tại Cáo trạng số: 133/CT-VKSTPTĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Làm nhục người khác” theo điểm e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi thời hạn tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý Cáo trạng truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi của mình, bị cáo không suy nghĩ thấu đáo nên không lường trước được hậu quả đã gây ra đối với danh dự, nhân phẩm của bị hại. Bị cáo xin lỗi bị hại và rất mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị hại đã nhận tiền bồi thường, viết đơn rút yêu cầu xử lý hình sự và xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét việc bị hại vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận T bộ hành vi của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, dữ liệu điện tử thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định:

Nguyễn Văn T đã sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện nhiều lần với mục đích làm nhục Nguyễn Thị Như N, cụ thể:

Lần thứ nhất, ngày 30/4/2022, Nguyễn Văn T có hành vi sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê ri: G0NDFL70N735 của T đăng nhập vào tài khoản Facebook “Như N” có hình đại diện N không chống cằm để đăng khoảnh khắc 03 hình ảnh nhạy cảm, khoả thân của chị Nguyễn Thị Như N.

Lần thứ hai, từ 22 giờ đến 23 giờ 45 phút ngày 02/5/2022, Nguyễn Văn T cũng sử dụng điện thoại hiệu Iphone 11 nêu trên đăng nhập vào Instagram của N có tên “ntnhungoc.133” để đăng story 06 hình ảnh nhạy cảm, khoả thân của N và dùng tài khoản Facebook của N là “Như N” có hình đại diện N đang chống cằm đăng 33 hình và 30 video nhạy cảm (không mặc áo, chỉ mặc quần lót..) lên nhóm Messenger Facebook “DH36KT03” và đăng lên nhóm Messenger Facebook “Đoàn khoa KTKT” và nhóm “Team Kỹ Thuật” 12 hình ảnh nhạy cảm và 02 video nhạy cảm (không mặc áo). Sau đó, T thu hồi 12 hình ảnh và 02 video nhạy cảm trong nhóm “Team Kỹ Thuật”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác, làm mất an ninh trật tự. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì mâu thuẫn trong chuyện tình cảm nên đã sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi đăng tải video, hình ảnh nhằm xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của bị hại. Do đó, hành vi của bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Làm nhục người khác”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của bị cáo gửi hình ảnh nhạy cảm của N lên các nhóm công khai trên mạng xã hội, do không còn thu giữ được hình ảnh và video gốc để thực hiện việc giám định nội dung và dung lượng dữ liệu có phải là văn hóa phẩm đồi trụy hay không. Mặt khác, cũng không xác định rõ được cụ thể số lượng người đã xem những hình ảnh và video nhạy cảm của N, do những thành viên trong các nhóm công khai đã thoát khỏi nhóm. Hiện không thể đăng nhập vào nhóm công khai để tìm kiếm thông tin. Mặt khác, mục đích của T đăng

hình ảnh và video nhạy cảm của N để làm nhục N. Do đó, không có căn cứ xử lý bị cáo về hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy.

Đối với hành vi của bị cáo đồng ý với yêu cầu của Nguyễn Thị Như N để N chuộc lại 02 tài khoản mạng xã hội của N đã đăng hình ảnh nhạy cảm và hành vi bị cáo đồng ý với giá của N đưa ra để chuộc tài khoản là 1.200.000 đồng và khi N không thực hiện đúng hạn cùng hành vi yêu cầu N cung cấp số thẻ Ngân hàng của N cho bị cáo. Xét thấy, đánh giá chi tiết nội dung nhắn tin giữa bị cáo và N cùng lời khai của N và bị cáo về nội dung trên thấy rằng bị cáo không có ý thức chiếm đoạt tiền của N, bởi lẽ: Sau khi chia tay với N, bị cáo căm ghét N vì cho rằng N lên lớp nói xấu về bị cáo cho bạn của N. bị cáo mong muốn đăng hình ảnh của N lên mạng xã hội. Khi N đưa ra điều kiện chuộc lại tài khoản lúc này, bị cáo đang giả danh một người khác để nhắn tin với N. Bị cáo biết N không có tiền, không sử dụng thẻ Ngân hàng (do trước đó bị cáo và N từng là người yêu) nên bị cáo đưa ra số tiền và yêu cầu N cung cấp số thẻ Ngân hàng của N để N không thực hiện được. Khi N cung cấp số thẻ Ngân hàng Visa của chị của N nhưng bị cáo ngay lập tức lại yêu cầu N cung cấp số thẻ bình thường của Ngân hàng. Tuy nhiên, việc cung cấp số thẻ Ngân hàng cũng chỉ là lý do để cho N không thể thực hiện được trong hạn vì khi có số thẻ Ngân hàng bị cáo cũng không có cách nào để kiểm tra được tài khoản cũng như rút tiền. Mặt khác, N khai nhận N cũng không có ý định đưa tiền cho bị cáo, thời điểm đó N còn khoảng 500.000 đồng. N chỉ muốn kéo dài thời gian để báo Công an. Bản thân N cũng không trình báo về nội dung T chiếm đoạt tài sản. Do đó, không đủ căn cứ để xử lý hành vi trên của bị cáo về tội cưỡng đoạt tài sản.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo sử dụng mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi phạm tội và thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị đưa ra xét xử theo quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; được bị hại làm đơn bãi nại, rút yêu cầu xử lý hình sự nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã có đơn rút yêu cầu khởi tố. Bên cạnh đó, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuổi đời còn trẻ, đang là sinh viên đại học, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận tiền bồi thường 30.000.000 đồng và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735 là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) đoạn video ký hiệu “KZUX7332” được trích xuất từ điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735 của bị cáo, nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy MHDA3VN/A, số sê-ri GONDFL70N735 về việc bị cáo đã sử dụng Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Như N” có hình đại diện của N đang chống cằm đăng hình ảnh nhảy cảm, video nhảy cảm (không mặc áo, chỉ mặc quần lót...) của N lên nhóm “DH36KT03” (thu giữ của Nguyễn Văn bị cáo) là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) đoạn video ký hiệu “ISVY2040” nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735 về việc bị cáo thực hiện thao tác khôi phục lại Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Như N” có hình đại diện của N đang chống cằm (thu giữ của Nguyễn Văn T) là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) thiết bị phát Wifi của VNPT ký hiệu: Igate GW040-H Gpon ONT và 01 cục sạc kèm theo là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 07 đoạn video do chị Nguyễn Thị Như N cung cấp gồm: 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115035; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115331; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115413; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115458; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115543; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115625; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_121829

(Chứa nội dung tin nhắn giữa N và bị cáo và nội dung N vào các nhóm công khai trên mạng xã hội có chứa nội dung hình ảnh và video nhạy cảm của N được N quay màn hình lại) là dữ liệu điện tử chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 123 (một trăm hai mươi ba) tờ giấy A4 do Nguyễn Thị Như N cung cấp hình ảnh liên quan là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T** phạm tội “Làm nhục người khác”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm a, e khoản 2 Điều 155; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T**: 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được cho hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 55, Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: GONDFL70N735; 01 (một) thiết bị

phát Wifi của VNPT ký hiệu: Igate GW040-H Gpon ONT và 01 cục sạc kèm theo.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 66/QĐ-VKSTPTĐ ngày 23/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và Phiếu nhập kho vật chứng số NK23/151C ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án:

+ 01 (một) đoạn video ký hiệu “KZUX7332” được trích xuất từ điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: G0NDFL70N735 của bị cáo, nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy MHDA3VN/A, số sê-ri G0NDFL70N735 về việc bị cáo đã sử dụng Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Như N” có hình đại diện của N đang chống cằm đăng hình ảnh nhảy cảm, video nhảy cảm (không mặc áo, chỉ mặc quần lót...) của N lên nhóm “DH36KT03” (thu giữ của Nguyễn Văn bị cáo).

+ 01 (một) đoạn video ký hiệu “ISVY2040” nội dung ghi lại màn hình của điện thoại di động hiệu iphone 11, số máy: MHDA3VN/A, số sê-ri: G0NDFL70N735 về việc bị cáo thực hiện thao tác khôi phục lại Facebook của Nguyễn Thị Như N có tên “Như N” có hình đại diện của N đang chống cằm (thu giữ của Nguyễn Văn bị cáo).

+ 07 đoạn video do chị Nguyễn Thị Như N cung cấp gồm: 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115035; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115331; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115413; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115458; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115543; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_115625; 01 đoạn video ký hiệu 20220504_121829 (Chứa nội dung tin nhắn giữa N và bị cáo và nội dung N vào các nhóm công khai trên mạng xã hội có chứa nội dung hình ảnh và video nhảy cảm của N được N quay màn hình lại).

+ 123 (một trăm hai mươi ba) tờ giấy A4 do Nguyễn Thị Như N cung cấp hình ảnh liên quan.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh N